TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỚI BÌNH** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25-4-2025
V/v không công nhận vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phượng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc không công nhận vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2025/QĐXX-ST ngày 13 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Thanh T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

-*Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Tại đơn khởi kiện ngày 17/02/2025 cũng như tại phiên tòa ông Võ Thanh T trình bày:*

Ông T và bà B tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm với nhau trong lối sống nên ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Vì vậy, ông T yêu cầu không công nhận ông và bà B là vợ chồng.

Thời gian chung sống ông T và bà B có con chung tên Võ Thanh Ngọc L, sinh năm 1995 và Võ Thanh Thúy L, sinh năm 2001. Hiện con chung đã trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có nên ông T không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Võ Thanh T khởi kiện yêu cầu không công nhận ông T và bà B là vợ chồng. Do ông bà chung sống không có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc không công nhận vợ chồng; Bà B có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà B nhưng bà B không có văn bản ý kiến về yêu cầu của ông T và vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà B theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Ông T và bà B tự nguyện chung sống với nhau vào khoảng năm 1994 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông bà chưa tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hôn nhân và gia đình. Quá trình chung sống ông bà có đủ điều kiện đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình nên không được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 14, Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình không công nhận ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc B là vợ chồng.

[4] Thời gian chung sống ông T và bà B có con chung tên Võ Thanh Ngọc L, sinh năm 1995 và Võ Thanh Thúy L, sinh năm 2001. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông T không yêu cầu giải quyết vì con chung đã trưởng thành là có cơ sở. Vì vậy Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T xác định thời gian chung sống ông bà không có tài sản chung và nợ chung nên ông không yêu cầu giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông T phải nộp án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Không công nhận ông Võ Thanh T và bà Nguyễn Thị Ngọc B là vợ chồng.

2.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Võ Thanh T phải nộp 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng). Vào ngày 17/02/2025 ông T có dự nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai 0016855 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình nay được chuyển thu án phí.

3. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
Hồ Lệ Hoa – Nguyễn Tấn Lộc	**Nguyễn Kiều Trang**